

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tân;

2. Bà Phạm Thị Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; trú tại: Phố C, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1977; trú tại: Phố C, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt);

3. *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Dâu, sinh năm 1944; trú tại: Phố C, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2000.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr thiếu chung thủy, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và gia đình khuyên bảo nhưng anh không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Năm 2017 chị đã khởi kiện xin ly hôn song do nghĩ đến các con chị lại rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, anh chị vẫn sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau từ năm 2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Tr có 02 con là Phạm Phương Nh, sinh ngày...2001 và Phạm Trang Nh, sinh ngày...2005, hiện cả hai con đang ở với anh Tr. Chị đề nghị, sau khi ly hôn chị nuôi con Phương Nh, còn anh Tr nuôi con Trang Nh; chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng cho con.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn – anh Tr trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị L trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L hay ghen tuông vô cớ, có lời nói, hành động không đúng mực với anh và gia đình anh. Năm 2017 chị L tự ý bỏ ra ngoài thuê trọ, làm đơn xin ly hôn. Hiện anh và chị vẫn sống ly thân nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị nên anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp, chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh xin nuôi cả 2 con, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Cả chị L và anh Tr đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của cháu Phương Nh và cháu Trang Nh trình bày: Các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố (anh Tr) sau khi bố mẹ ly hôn vì các cháu đang sống ổn định, được bố chăm sóc từ năm 2017 (Từ khi anh chị sống ly thân) cho đến nay.

Tại phiên Tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tr; chị nhất trí để anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con sau khi ly hôn. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Bị đơn là anh Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HDXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn Tr; giao cho anh Phạm Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con; chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr không yêu cầu

chị L phải cấp dưỡng cho con; chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập cho anh Tr đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh không đến; Tòa án đã về tận gia đình để lấy lời khai của anh; chị L đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai song bị đơn (anh Tr) vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã G, huyện K nơi sinh sống của anh Tr tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị L và anh Tr là hợp pháp.

[3] Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn; anh Tr trình bày vẫn còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai người đưa ra có sự khác nhau, song thực tế do mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai; năm 2017 chị L đã khởi kiện xin ly hôn, sau đó lại rút yêu cầu nhưng hai người cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Chính quyền địa phương cũng xác định anh chị mâu thuẫn, sống ly thân với nhau đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh Tr không nhất trí ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị và việc giải quyết vụ án mà thôi. Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị L, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L ly hôn anh Tr.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh Tr có 02 con là Phạm Phương Nh, sinh ngày...2001 và Phạm Trang Nh, sinh ngày...2005, khi vợ chồng mâu thuẫn, chị L thuê nhà ở riêng, cả 2 con vẫn được anh Tr nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh Tr

muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con; chị L nhất trí. HĐXX thấy rằng, hiện cháu Phương Nh đã gần đủ 18 tuổi, cháu Trang Nh đã hơn 13 tuổi, từ khi anh chị không chung sống cùng nhau, 2 cháu được bố (anh Tr) nuôi dưỡng, hiện cả 2 cháu đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với bố; anh Tr có chỗ ở, làm kinh doanh, thu nhập ổn định khoảng 20 triệu đồng/tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng cả 2 con; chấp nhận sự tự nguyện của anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn Tr.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho anh Phạm Văn Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con là Phạm Phương Nh, sinh ngày...2001 và Phạm Trang Nh, sinh ngày...2005 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr không yêu cầu chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000517 ngày 02 tháng 5 năm 2018.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 31/8/2018; anh Phạm Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã G, H.K;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.Phòng.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân